TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/DS-PT
Ngày: 08-02-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng thi công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Ngọc Hương
2. Bà Trịnh Thị Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn - Thư ký TAND Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 06 và ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở TAND Thành phố H đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 301/DSPT ngày 05/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công", do Bản án dân sự sơ thẩm số 2103/2022/DS-ST ngày 14 tháng 6 năm 2022 của TAND Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6340/2022/QĐXX-PT, ngày 15/12/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 85/QĐ-PT, mgày 04/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 497/QĐ-PT, ngày 12/01/2023 của TAND Thành phố H giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ.**

Trụ sở: số 290 đường C, Phường N, quận T1, Thành phố H.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Thế B - Chức vụ: Giám đốc Công ty (Có mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vy Trọng T - Sinh năm 1988 - Văn bản ủy quyền ngày 24/12/2018 (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Đức L - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV KM, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị Xuân H - Sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Số 19, đường G, Khu phố 4, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Trần Thị Ngọc Q - Sinh năm 1975 - Văn bản ủy quyền ngày 31/01/2019.

Địa chỉ: 64/6A TL1, Khu phố 3, phường HP, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Bà Trần Thị Ngọc Q ủy quyền cho ông Nguyễn Minh Nh.

Địa chỉ: 58/31A đường TL1, phường HP, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

3. Người làm chứng:

3. 1. Ông Hoàng Đức K, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 192 Đường D, Phường M, thành phố N, tỉnh N, (Vắng mặt).

3. 2. Ông Vũ Đình X, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 19, đường G, Khu phố 4, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 24/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ có Ông Ngô Thế B là người đại diện theo pháp luật và Ông Vy Trọng T là người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Vào ngày 09/5/2016, giữa Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đ) và Bà Hoàng Thị Xuân H ký Hợp đồng kinh tế số 160509/HĐKT_DongNgo về việc cung cấp và hoàn thiện nội thất đối với công trình tọa lạc tại địa chỉ số 19 Đường G, Khu phố 4, phường A, thành phố T, Thành phố H. Theo hợp đồng, Công ty Đ sẽ thực hiện công việc theo các phụ lục hợp đồng và dự toán được bà H xác nhận với thời hạn dự toán là 12 tháng. Tổng giá trị hợp đồng sẽ căn cứ vào giá trị của các Phụ lục hợp đồng (chưa bao gồm 10% thuế VAT).

Bên cạnh các hợp đồng bằng văn bản các bên còn gửi các email, điện thoại trao đổi thông tin, thông báo tiến trình thi công công trình và gửi các bảng phụ lục phát sinh kèm bảng giá chi tiết như: ngày 24/7/2014 Công ty Đ thông báo về việc tháo bao bì ảnh hưởng đến sản phẩm; ngày 10/12/2014 kèm theo là bảng dự toán cầu thang phát sinh và các hợp đồng đã ký giữa hai bên, chủ đầu tư đã nhận được và xác nhận; ngày 15/01/2015 kèm báo giá phát sinh; ngày 28/01/2015, kèm bảng mô phỏng trụ cầu thang; ngày 14/3/2015, về việc triển khai cánh cửa lối vào phòng thay đồ, phòng ngủ chính;… Tổng giá trị các hợp đồng và phát sinh thực tế là 3.880.546.107 đồng chưa bao gồm 10% VAT. Thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã thi công cho Bà Hoàng Thị Xuân H tổng cộng 02 hạng mục chính bao gồm:

Hạng mục 1 - Hạng mục Phòng thờ: Trước khi ký Hợp đồng chính thức, Công ty Đ đã gửi bảng chào giá đối với hạng mục phòng thờ cho bà H vào ngày 25/4/2016 và sau khi Hợp đồng được ký kết, bà H đã xác nhận đặt hàng đối với hạng mục này. Tổng giá trị của hạng mục này là 2.701.627.024 đồng. Đối với hạng mục này, Công ty Đ đã hoàn thiện việc thi công lắp đặt, chủ đầu tư (bà H) đã thanh toán cho Công ty Đ số tiền là 1.891.144.000 đồng, số tiền bà H chưa thanh toán là: 810.483.024 đồng, chưa bao gồm 10% thuế VAT.

Hạng mục 2 – Hạng mục thi công nội thất các phòng: Ngày 04/6/2016, Công ty Đ và Bà Hoàng Thị Xuân H ký Phụ lục số 02 về công việc phát sinh kèm theo Hợp đồng số 160509/HĐKT_DongNgo cung cấp và hoàn thiện nội thất công trình. Giá trị hợp đồng tạm tính là: 13.760.068.855 đồng (chưa bao gồm thuế VAT). Đến nay, hạng mục này đã thi công hoàn thiện. Chủ đầu tư đã thanh toán cho Công ty Đ số tiền 10.632.048.000 đồng, số tiền Chủ đầu tư chưa thanh toán là 3.128.020.855 đồng chưa bao gồm 10% thuế VAT.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công trình của bà H có phát sinh tăng khối lượng thi công bao gồm:

- *Phát sinh thay đổi màu sơn cho phòng ngủ của con*: Tổng giá trị phát sinh là 121.471.540 đồng; Công ty Đ đã thi công hoàn thiện đối với hạng mục này và chủ đầu tư chưa thanh toán cho Công ty Đ.

- *Phát sinh do thay đổi thiết kế nội thất bên trong*: Tổng giá trị phát sinh là 377.900.000 đồng; Công ty Đ đã thi công hoàn thiện đối với hạng mục và chủ đầu tư chưa thanh toán cho Công ty Đ.

Tổng cộng số tiền bà H là chủ đầu tư chưa thanh toán cho Công ty Đ là 4.437.879.815 đồng.

Sau khi đã hoàn thiện các hạng mục theo hợp đồng và các hạng mục phát sinh, Công ty Đ đã đề nghị bà H tiến hành nghiệm thu đối với các hạng mục thi công. Tuy nhiên Công ty Đ liên tiếp nhận được các thông báo của Chủ đầu tư đề nghị hoàn thiện lại các hạng mục dát vàng và toàn bộ trần bị nứt, cụ thể:

+ Ngày 09/01/2018, chủ đầu tư phát hành thông báo lần 1, yêu cầu Công ty Đ hoàn thiện lại hạng mục dát vàng và toàn bộ trần bị nứt. Tại Thông báo chủ đầu tư có nêu: *"Sau ba lần gửi thông báo cho Công ty Đ mà không thống nhất được các yêu cầu trên, chủ đầu tư sẽ tiến hành tháo dỡ hai phần hạng mục trên để thi công mới lại".* Ngay sau khi nhận được thông báo, Công ty Đ trên tinh thần thiện chí, hợp tác nên đã liên tục cử nhân viên của Công ty Đ đến công trình để kiểm tra lại các hạng mục theo thông báo của chủ đầu tư. Nếu các hạng mục có sai sót đúng như thông báo của chủ đầu tư thì Công ty Đ sẽ tiến hành hoàn thiện đúng như yêu cầu đã ký kết. Tuy nhiên phía bà H chủ đầu tư không tạo điều kiện cho Công ty Đ vào công trình để kiểm tra. Do đó vào ngày 16/01/2018 Công ty Đ đã phát hành Công văn số 01 phúc đáp Thông báo lần 1

của chủ đầu tư để giải trình và đề nghị làm việc với chủ đầu tư vào sáng ngày 19/01/2018. Vào lúc 10h ngày 19/01/2018, Ông Ngô Thế B là người đại diện của Công ty Đ có mặt theo lịch đề nghị làm việc với Bà Hoàng Thị Xuân H nhưng khi người đại diện của Công ty Đ tới nhà bà H thì bà H từ chối tiếp và bảo vệ công trình không cho Công ty Đ vào làm việc theo yêu cầu của bà Hoàng Thị Xuân H; Công ty Đ có mời Văn phòng Thừa Phát lại Quận Y đến để ghi nhận sự việc này.

+ Ngày 17/01/2018, bà H chủ đầu tư tiếp tục phát hành Thông báo lần 2 với nội dung chủ đầu tư tự hoàn thiện hai phần hạng mục dát vàng và toàn bộ trần thạch cao và không đồng ý thanh toán cho Công ty Đ hai hạng mục này kèm nội dung:*"Các phần khác không có liên quan đến hai hạng mục này thì Công ty Đ phải hoàn thiện với tiến độ cam kết cụ thể cho chủ đầu tư và chủ đầu tư tiếp tục thanh toán theo thỏa thuận của Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng liên quan".* Ngày 22/01/2018, Công ty Đ tiếp tục phát hành Công văn số 002 để phúc đáp Thông báo lần 2 ngày 17/01/2018 của chủ đầu tư - đề nghị chủ đầu tư sắp xếp lịch làm việc vào sáng ngày 24/01/2018. Vào buổi sáng cùng ngày, đại diện của Công ty Đ đã trực tiếp đến nhà của bà H và Công trình nhưng vẫn không thể gặp được bà H và không thể vào Công trình được; Công ty Đ có mời Văn phòng Thừa Phát lại Quận Y đến để chứng kiến sự việc tại Vi bằng số 553/2018/VB-TPLQ5 lập ngày 24/01/2018. Và ngày 26/01/2018, Ông Ngô Thế B tiếp tục đến nhà bà H và Công trình thi công nhưng cũng không thể gặp được bà H và không được vào công trình theo Vi bằng số 615/2018/VB-TPLQ5.

+ Ngày 23/01/2018, sau 06 ngày kể từ phát hành thông báo lần 2, bà H chủ đầu tư tiếp tục phát hành Thông báo lần 03 với nội dung yêu cầu như Thông báo lần 2. Phúc đáp thông báo, ngày 02/02/2018 Công ty Đ tiếp tục gửi công văn số 003 với mong muốn tiếp tục vào công trình để kiểm định và hoàn thiện các hạng mục thi công nếu như có sai sót như thông báo của chủ đầu tư. Và ngày 29/01/2018 Ông Ngô Thế B tiếp tục tới nhà Bà Hoàng Thị Xuân H và công trình nhưng cũng không gặp được bà H theo Vi bằng số 665/2018/VB-TPLQ5 lập ngày 29/01/2018 của VP.TPL Quận Y.

Qua các lần thông báo của bà H và các lần phúc đáp của bên Công ty Đ cho thấy chủ đầu tư Bà Hoàng Thị Xuân H đã có mục đích muốn thay đổi và sửa đổi thiết kế của các hạng mục công trình mà Công ty Đ đã thi công hoàn thiện, nhưng lại không muốn để Công ty Đ tiếp tục làm việc. Bởi ngay từ thông báo đầu tiên, Bà Hoàng Thị Xuân H đã nêu "*Sau ba lần gửi thông báo cho Công ty Đ mà không thống nhất được các yêu cầu trên, Chủ đầu tư sẽ tiến hành tháo dỡ hai phần hạng mục trên để thi công mới lại".* Khi Công ty Đ còn chưa nhận được thông báo và chưa đi vào công trình để kiểm định sửa chữa thì bà H đã có chủ đích sẽ phát hành đi 03 thông báo để hợp thức việc sửa chữa các hạng mục

công trình mà Công ty Đ đã thi công. Điều này cho thấy các hạng mục thi công của Công ty Đ thi công là không có vấn đề về mặt chất lượng cũng như về kỹ thuật và nếu như các vấn đề đó có xảy ra thì Công ty Đ cũng hết sức thiện chí trong việc sửa chữa và thay thế các hạng mục công trình này.

Sau tất cả những lần phúc đáp Thông báo của bà H bằng văn bản, Công ty Đ vẫn chưa gặp được bà H nhằm giải quyết những vấn đề tồn đọng và bất đồng giữa hai bên. Ngày 11/4/2018 Công ty Đ tiếp tục gửi Công văn số 04/2018/CV-ĐN để đề nghị bà H gặp mặt vào lúc 9h00 phút ngày 19/4/2018 nhằm thương lượng giải quyết sự việc. Tuy nhiên bà H vẫn cố tình không gặp để giải quyết dứt điểm với Công ty Đ và cũng có bất cứ văn bản nào trả lời; Công ty Đ không thể làm gì hơn.

Nay Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Bà Hoàng Thị Xuân H là chủ đầu tư phải thanh toán số tiền còn lại đối với Hợp đồng kinh tế số 1605509/HĐKT_ĐongNgo ngày 09/5/2016 và các phụ lục hợp đồng tổng cộng là 4.437.897.815 đồng, cộng tiền lãi phát sinh trên tổng số tiền chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 19/4/2018 cho đến ngày thanh toán xong với lãi suất là 10%/năm. Tiền lãi tạm tính đến thời điểm khởi kiện là 295.858.650 đồng - Tổng cộng là 4.733.738.468 đồng.

Theo Đơn phản tố ngày 08/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Hoàng Thị Xuân H có bà Trần Thị Ngọc Q là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Hoàng Thị Xuân H xác nhận vào ngày 09/5/2016 giữa Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ và Bà Hoàng Thị Xuân H có ký Hợp đồng kinh tế số 160509/HĐKT_DongNgo và các phụ lục hợp đồng về thực hiện những công việc và dự toán như nội dung. Tuy nhiên, bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Đ vì các lý do sau:

Căn cứ theo Hợp đồng và các Phụ lục trên, Chủ đầu tư đã thanh toán cho Công ty Đ các đợt như sau:

Phụ lục 01 - Hạng mục phòng thờ: đợt 1 ngày 12/5/2016 đã thanh toán 50% giá trị tương đương 1.350.819.000 đồng; đợt 2 ngày 19/10/2016 thanh toán số tiền 540.325.000 đồng; còn lại 30% tương đương số tiền 810.488.107 đồng bà H chỉ thanh toán khi Công ty Đ bàn giao xong các hạng mục và ký biên bản nghiệm thu. Tổng giá trị Phụ lục 1 là: 2.701.627.024 đồng; tổng số tiền bà H đã thanh toán cho Công ty Đ là 1.891.144.000 đồng.

Phụ lục 02 - Công việc phát sinh gồm cung cấp và lắp đặt hoàn thiện nội thất: đợt 1 ngày 06/6/2016 đã thanh toán 50% giá trị là 6.880.034.000 đồng; đợt 2 ngày 19/10/2016 đã thanh toán là 2.752.014.000 đồng; đợt 3 ngày 19/01/2017 phải thanh toán 2.752.013.771 đồng, nhưng thực tế bà H đã thanh toán số tiền

1.000.000.000 đồng, số tiền còn lại 1.752.013.771 đồng bà H chưa thanh toán vì lý do Công ty Đ chưa lắp đặt xong nội thất. Đối với 10% còn lại tương đương 1.376.006.886 đồng, bà H chỉ đồng ý thanh toán sau khi 2 bên quyết toán khối lượng thực tế đã được lắp đặt hoàn thiện và hai bên tiến hành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Tổng giá trị Phụ lục 2 là: 13.760.068.855 đồng. Bà H đã thanh toán cho Công ty Đ là 10.632.048.000 đồng.

Tổng số tiền bà H đã thanh toán cho hai Phụ lục là: 12.523.192.000 đồng. Tất cả các khoản đã thanh toán đều có biên nhận chuyển khoản tại Ngân hàng. Số tiền còn lại theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng chưa thanh toán là 3.938.509.000 đồng vì lý do Công ty Đ đã vi phạm không hoàn thành công việc và chưa ký biên bản nghiệm thu bàn giao. Đối với các hạng mục phát sinh thay đổi màu sơn cho phòng ngủ của con số tiền 121.471.540 đồng và phát sinh do thay đổi thiết kế nội thất bên trong là 377.900.000 đồng bà H cũng không đồng ý thanh toán do Công ty Đ đã vi phạm hợp đồng.

Ngoài ra bị đơn bà H có yêu cầu phản tố do Công ty Đ đã chậm trễ tiến độ so với quy định tại Hợp đồng và các phụ lục, cụ thể:

Phụ lục 1: Căn cứ theo cam kết của Công ty Đ thời gian sản xuất và thi công lắp đặt là 07 (bảy) tháng kể từ ký kết hợp đồng và nhận thanh toán tạm ứng (thời hạn hoàn thành 12/2017). Nhưng chưa hoàn thiện và tiến hành nghiệm thu đưa vào sử dụng cho đến thời điểm hiện tại. Đã trễ tiến độ so với cam kết hợp đồng đến thời điểm hiện tại là 439 ngày.

Phụ lục 2: Căn cứ theo cam kết của Công ty Đ thời gian sản xuất và thi công lắp đặt là 07 (bảy) tháng kể từ ký kết hợp đồng và nhận thanh toán tạm ứng (thời hạn hoàn thành 01/2017). Nhưng Công ty Đ chưa hoàn thiện nên chưa tiến hành nghiệm thu đưa vào sử dụng cho đến thời điểm hiện tại. Tiến độ trễ với cam kết tại hợp đồng đến hiện tại là 384 ngày.

Căn cứ để tính phạt trễ tiến độ theo Hợp đồng và các phụ lục theo Điều 3 của Phụ lục Hợp đồng số 2 ký ngày 04/6/2016 là: Phạt tiến độ: 50.000.000 đồng/ngày; tạm tính đến 23/02/2018 là: 439 + 384 = 823 ngày x 50.000.000/ngày = 41.150.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Điều 4.4 của Hợp đồng số 160509/HĐKT_Dong Ngo ngày 09/5/2016, Công ty Đ đã chậm tiến độ nên phải chịu phạt 12% tổng giá trị Hợp đồng; cụ thể như sau:

Phụ lục 1: 2.701.627.024 đồng + Phụ lục 2: 13.760.068.855 đồng = 16.461.695.879 đồng x 12% = 1.975.403.505 đồng. Do đó bà H yêu cầu Công ty Đ phải chịu phạt đối với số tiền nêu trên.

Về hồ sơ nghiệm thu: Theo Điều 7.1 của Hợp đồng thì căn cứ nghiệm thu bao gồm: Bản vẽ thiết kế chi tiết; Biên bản nghiệm thu từng phần (nếu có); Nhật ký Công trình (Điều 10); Công ty Đ vẫn chưa cung cấp hồ sơ như trên cho bà H.

Về các vấn đề liên quan đến chất lượng thi công không đạt được để gặp trao đổi trực tiếp tại công trình và nội dung làm việc trong hai ngày 12/12/2017, 08/01/2018:

Dát vàng: Màu sắc không đồng nhất theo mẫu đối chứng do Công ty Đ mang đến làm việc ngày 08/01/2018; các chỉ dát vàng bị bong, tróc, không nhẵn bóng đồng bộ, nổi hột nhám; các chỉ chạm hoa văn dát vàng bị gãy nứt, chắp nối, không phủ đều vàng, … Về trần thì giữa các tấm trần, giữa tấm trần và tường xung quanh đường ráp nối bị nứt, hở.

Bà H cần bản vẽ chi tiết để căn cứ Hợp đồng và các Phụ lục kiểm tra phần vật tư sử dụng, nhưng Công ty Đ vẫn chưa cung cấp. Do đó, qua các lần làm việc và thông báo, bà H nghi ngờ vật tư đang sử dụng không đúng theo thiết kế và báo giá chi tiết hạng mục công việc tại các phụ lục. Các giấy tờ Công ty Đ cho rằng đã cung cấp nhưng bà H chưa nhận được bất cứ thông báo nghiệm thu từng phần hay toàn bộ từ Công ty Đ theo cam kết thỏa thuận tại hợp đồng. Bà H chưa ký bất cứ biên bản nghiệm thu công trình đối với các hạng mục do Công ty Đ thi công. Các nhân sự mà Công ty Đ liên hệ và trao đổi chỉ giúp bà H trông coi tài sản và trật tự các đội thi công của các nhà thầu đến làm việc. Tất cả các yêu cầu phát sinh thêm đều do bà H trực tiếp ký kết thông qua các phụ lục hợp đồng. Nên bà H chỉ chịu trách nhiệm với nhân sự được sự ủy quyền (Giấy ủy quyền pháp lý) của bà H làm việc với Công ty Đ.

Công ty Đ đã không hợp tác làm việc giải quyết vấn đề với người đại diện theo ủy quyền của bà H là cô Trần Thị Ngọc Q mà có nhưng lời lẽ xúc phạm, đe dọa, nhục mạ và từ chối làm việc với người đại diện theo ủy quyền của bà H qua email, tin nhắn. Mặt khác, ông B là Giám đốc Công ty Đ đã đến nhà riêng của bà H với thái độ gây rối ồn ào đập cửa trong lúc bà H không có ở nhà. Do thái độ và hành động của ông B bà H thấy không an toàn, gây áp lực tinh thần cho bà H khi làm việc cùng ông B nên bà H có trình báo cho cơ quan chức năng có thẩm quyền nếu ông B lại tiếp tục cho hành động như vậy.

Tại Bản tự khai ngày 05/8/2019 người làm chứng là ông Hoàng Đức K trình bày:

Năm 2016, em gái ông K là Bà Hoàng Thị Xuân H có nhờ ông quản lý xây dựng và hoàn thiện căn nhà tại Quận 2 (nay là thành phố T). Ông K có trách nhiệm tư vấn vật liệu, mẫu mã, chọn nhà thầu đàm phán hợp đồng và giám sát quản lý công trình cho bà H. Khi chốt được hợp đồng ông K chuyển cho bà H ký và bà H chuyển tiền cho các nhà thầu, khi các nhà thầu thi công tới giai đoạn nghiệm thu thanh toán, ông K nghiệm thu nếu đạt chất lượng theo yêu cầu hợp đồng thì báo cho bà H chuyển tiền. Công việc nhờ này là tự nguyện anh em trong gia đình giúp nhau; cũng có thông báo miệng trong cuộc họp với các nhà thầu công trình.

Trong các nhà thầu ông K chọn, có nhà thầu Công ty Đ làm hạng mục gỗ cho công trình. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã thi công lắp đặt đúng thiết kế và tiến độ, đồng thời cũng đã nghiệm thu hoàn thành các hạng mục công trình. Tuy nhiên có một số phát sinh, thay đổi thiết kế cầu thang của nhà thầu khác (ốp thêm gỗ, lắp thêm thang máy) nên tiến độ bàn giao công trình bị dời lại. Đến cuối năm 2017, ông K không còn quản lý công trình nữa nhưng vẫn cam kết nếu liên quan tới khoảng thời gian ông K quản lý ông K sẽ đứng ra hỗ trợ giải quyết cho bà H và các nhà thầu nếu có khúc mắc. Liên quan tới việc bà H nói Công ty Đ chậm tiến độ, sản phẩm không chất lượng là không đúng với thực tế. Về tiến độ nhà thầu Công ty Đ đã viết email, làm biên bản thay đổi tiến độ và ông K đã đồng ý cho dời tiến độ bàn giao qua Tết, khi có kế hoạch cụ thể sẽ thông báo sau. Về chất lượng ông K đã kiểm tra đạt chất lượng và bản vẽ theo hợp đồng; nếu bà H không đồng ý có thể thuê kiểm định vào kiểm tra chất lượng thi công có đúng theo hợp đồng hay không.

Tại Bản tự khai ngày 08/7/2019, người làm chứng là ông Vũ Đình X trình bày: Ông là Kế toán của Doanh nghiệp tư nhân Kinh doanh bất động sản HS do Bà Hoàng Thị Xuân H làm chủ. Trong thời gian làm cho DNTN HS, bà Xuân H có xây dựng căn Biệt thự tại đường G, phường A, thành phố T; ông được nghe lại Bà Hoàng Thị Xuân H giao cho ông Hoàng Đức K quản lý việc xây dựng công trình này, ông X được ông K giao việc chuyển tiền thanh toán và theo dõi công nợ với các nhà thầu và việc thanh toán cho Công ty Đ không phải chỉ mình ông chuyển tiền mà còn có ông Hoàng Đức P. Khi cần thanh toán tiền cho Công ty Đ thì ông Hoàng Đức K báo cho ông chuyển tiền, sau đó ông báo cho ông Hoàng Đức P; có đợt thì ông Hoàng Đức P chuyển tiền, có đợt thì ông Hoàng Đức P chi tiền cho ông đi chuyển, ông X hoàn toàn không biết về tiến độ cũng như chất lượng thi công của Công ty Đ tại công trình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 2103/2022/DSST ngày 14/6/2022, TAND Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; Điều 229; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 117; Điều 357; Điều 401; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Điểm c khoản 1 Điều 113; Điều 144 Luật Xây dựng 2014. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Luật Thi hành án dân sự; Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Công ty Đ:

Buộc Bà Hoàng Thị Xuân H trả cho Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ số tiền 4.829.046.365 (bốn tỷ, tám trăm hai mươi chín triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm sáu mươi lăm) đồng, bao gồm 4.311.648.540 (bốn tỷ, ba trăm mười một triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi) đồng tiền thi công còn thiếu và 517.397.824 (năm trăm mười bảy triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm hai mươi bốn) đồng tiền lãi chậm trả.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H đề nghị buộc Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ phạt vi phạm 12% tổng giá hợp đồng là 1.975.403.505 đồng.

3. Về án phí:

- Bà Hoàng Thị Xuân H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 112.829.046 đồng. Bà H phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 71.262.105 đồng. Tổng cộng bà H phải chịu án phí số tiền 184.091.151 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 35.631.053 đồng theo Biên lai số AA/2017/0016184 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Z (nay là thành phố T), Thành phố H. Bà H còn phải nộp số tiền 148.460.098 đồng.

- Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là: 55.036.190 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 56.366.869 đồng mà Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0015911 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Z (nay là thành phố T), Thành phố H. Trả lại cho Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ số tiền 1.330.679 đồng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Đ về việc chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 2.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của các bên theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm:

Ngày 24/6/2022, Tòa án nhân dân thành phố T nhận được đơn kháng cáo của bị đơn là bà Hoàng Thị Xuân H, kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do không đánh giá toàn diện, khách quan, áp dụng không đúng quy định pháp luật và vi phạm thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là Bà Hoàng Thị Xuân H do ông Nguyễn Minh Nh đại diện theo ủy quyền trình bày ý kiến: Bà H đề nghị sẽ chuyển thanh toán tiếp cho nguyên đơn Công ty Đ thêm khoảng 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng để kết thúc tranh chấp giữa hai bên; nếu Công ty Đ không đồng ý thì bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm bởi đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại theo Hợp đồng kinh tế được ký giữa nguyên đơn là Công ty Đ với bị đơn là Bà Hoàng Thị Xuân H chủ Doanh nghiệp tư nhân HS, được ký tên đóng dấu Công ty và Doanh nghiệp. Do đó cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp vụ án dân sự là sai, vi phạm tố tụng. Ngoài ra cấp sơ thẩm bác các yêu cầu phản tố của bị đơn là không xem xét khách quan toàn diện vụ án, vì thực tế nguyên đơn đã vi phạm thời gian thi công theo hợp đồng đã ký kết, ngưng không ghi chép nhật ký công trình và bị đơn bà Xuân H không có bất cứ văn bản nào ủy quyền cho ông Hoàng Đức K được đại diện cho bà H ký nghiệm thu hoặc quyết định vấn đề gì trong quá trình thực hiện hợp đồng ký kết giữa các bên.

Nguyên đơn Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ do Ông Vy Trọng T đại diện theo ủy quyền xác nhận không có kháng cáo và không đồng ý ý kiến thỏa thuận hòa giải và lý do kháng cáo của đại diện bị đơn đã nêu tại phiên tòa. Ông T yêu cầu được giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và các bên không có bổ sung tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật theo tố tụng tại cấp phúc thẩm: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Xét bị đơn Bà Hoàng Thị Xuân H kháng cáo cho rằng nguyên đơn vi phạm hợp đồng, chưa hoàn thành công việc và các bên chưa tiến hành ký biên bản nghiệm thu bàn giao, bà H cho rằng Công ty Đ thi công chậm trễ so với tiến độ, chất lượng thi công không đạt yêu cầu nhưng bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó sau khi trừ đi số tiền 126.232.000 đồng của hạng mục dát vàng mà nguyên đơn chưa thực hiện xong trong tổng số tiền thi công còn thiếu, bản án sơ thẩm buộc bà H phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền còn thiếu của các hạng mục là 3.812.277.000 đồng, chi phí phát sinh 499.371.540 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 3 của Hợp đồng số 160509/HĐKT Dong_Ngo ngày 09/5/2016 là 517.397.824 đồng là phù hợp và không có căn cứ chấp nhận yêu

cầu phản tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tuyên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Hoàng Thị Xuân H và giữ nguyên các quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 2103/2022/DS-ST ngày14/6/2022 của TAND Thành phố T, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét "Đơn kháng cáo" của bị đơn Bà Hoàng Thị Xuân H là trong thời hạn luật định và thủ tục kháng cáo đúng theo quy định nên được xem xét về nội dung và yêu cầu kháng cáo.

[1.2] Tại Văn bản ủy quyền có công chứng thực ngày 31/01/2019, bị đơn Bà Hoàng Thị Xuân H ủy quyền cho bà Trần Thị Ngọc Q tham gia tố tụng thay bà H và cho bà Q được ủy quyền lại cho người thứ ba. Do đó bà Trần Thị Ngọc Q ủy quyền hợp lệ lại cho ông Nguyễn Minh Nh tham gia phiên tòa phúc thẩm là không trái quy định tại Điều 564 Bộ luật dân sự năm 2015. Những người làm chứng, ông Hoàng Đức K và ông Vũ Đình X đã có lời khai, đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt và không ai có ý kiến hay đề nghị hoãn phiên tòa. Do đó căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét chứng cứ tại hồ sơ vụ án thể hiện:

[2.1] Nguyên đơn Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ (sau đây sẽ gọi tắt là Công ty Đ) khởi kiện bị đơn bà Xuân H tranh chấp liên quan theo Hợp đồng kinh tế số 160509/HĐKT - DongNgo ngày 09/5/2016 và các Phụ lục hợp đồng đã ký kết giữa các bên trong việc thi công phòng thờ và nội thất cho biệt thự tại địa chỉ số 19 Đường G, phường A, thành phố T của bà H. Như vậy tuy tiêu đề hợp đồng ghi là "Hợp đồng kinh tế" nhưng nội dung và mục đích giao kết tại hợp đồng này không thể hiện nhằm mục đích kinh doanh để sinh lợi nhuận; có những phiếu thanh toán, ủy nhiệm chi tuy đóng dấu Doanh nghiệp tư nhân HS nhưng bà H bị đơn là chủ doanh nghiệp và chủ đầu tư thể hiện tại hợp đồng là tư cách cá nhân bà Hoàng Thị Xuân H. Do đó cấp sơ thẩm xác định tranh chấp các bên là dân sự về "Tranh chấp hợp đồng thi công" là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, không vi phạm thủ tục tố tụng như ông Nh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày.

[2.2] Theo "Hợp đồng kinh tế" số 160509/HĐKT- Dong Ngo ngày 09/5/2016 (BL233-242); Phụ lục số 02 về "Công việc phát sinh kèm theo Hợp

đồng số 160509/HĐKT_Dong Ngo" (BL231-232); Bảng chào giá hạng mục phòng thờ ngày 25/4/2016; Bảng giá chi tiết Phụ lục hợp đồng 02 ngày 04/6/2016 giữa Bà Hoàng Thị Xuân H và Công ty Đ có căn cứ xác định bị đơn Bà Hoàng Thị Xuân H có giao cho Công ty Đ thi công trang trí và cung cấp đồ nội thất cho công trình biệt thự nhà ở tại số 19 Đường G, Khu phố 4, phường A, Quận Z (nay là thành phố T) với tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 16.461.695.879 đồng; cụ thể, phần cung cấp đồ nội thất và trang trí hạng mục phòng thờ với giá trị tạm tính là 2.701.627.024 đồng và phần nội thất các phòng với giá trị tạm tính là 13.760.068.855 đồng.

[2.3] Tại các "Thông báo" của bà H gửi Công ty Đ: lần 01 ngày 09/01/2018, lần 2 ngày 17/01/2018 và lần 3 ngày 23/01/2018 - có nội dung thể hiện bà H xác nhận các khoản tiền đã thanh toán cho Công ty Đ và đưa ra một số vấn đề cho rằng Công ty đã chậm tiến độ so với thỏa thuận tại hợp đồng, chưa hoàn tất gửi hồ sơ nghiệm thu và một số hạng mục thi công không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đã ký kết, … (BL159-165). Và tại "Bản tự khai" ngày 08/3/2019 của bà H ((BL290-294), các "Biên bản hòa giải" tại cấp sơ thẩm (BL309-319) các bên đều xác nhận về các hạng mục thi công theo hợp đồng và phụ lục đã ký như đã phân tích (tại mục [2.2]). Và xác nhận về số tiền mà bà H đã thanh toán cho Công ty Đ tổng cộng là 12.523.192.000 đồng; bao gồm: hạng mục phòng thờ số tiền là 1.891.144.000 đồng và hạng mục nội thất các phòng số tiền là 10.632.048.000 đồng. Như vậy tổng số tiền còn lại theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng bà H chưa thanh toán cho Công ty Đ là 3.938.509.000 đồng, gồm: 810.483.024 đồng của hạng mục phòng thờ và 3.128.020.855 đồng của hạng mục nội thất các phòng như án sơ thẩm đã xác định.

[2.4] Xét các lời tự khai của người làm chứng là ông Hoàng Đức K (BL288) và ông Vũ Đình X (BL286); lời tự khai của ông Nguyễn Minh R (BL277) và bà Nguyễn Như S (BL275) là những người đại diện và tham gia tại quá trình thi công công trình biệt thự số 19 Đường G cùng với Công ty Đ cho bị đơn Bà Hoàng Thị Xuân H - tất cả có nội dung: tại một cuộc họp (đầu tiên) giữa chủ đầu tư là bà H với các nhà thầu, thì bà H đã có tuyên bố ông Hoàng Đức K là người thay mặt và nhân danh bà H chịu trách nhiệm toàn bộ các công việc tại công trình biệt thự số 19 Đường G, như đàm phán hợp đồng, giám sát thi công xây dựng, ký biên bản nghiệm thu, quyết toán các hạng mục và nếu ông K thông qua các hạng mục thì bà H sẽ thanh toán cho các đơn vị thi công. Đồng thời thực tế thì bà H đã chuyển tiền thanh toán cho Công ty Đ mỗi sau khi ông K ký các biên bản nghiệm thu theo tiến độ quy định trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng xác nhận ông Hoàng Đức K là người được bà H cử giám sát quá trình thi công. Như vậy việc

bà H cử ông K đại diện giám sát theo dõi tiến độ, chất lượng và ông K đã ký nghiệm thu các phần công trình đã thi công với Công ty Đ là phù hợp, không trái thỏa thuận các bên tại Điều 6.1 Hợp đồng số 160509/HĐKT-Dong Ngo ngày 09/5/2016 đã được các bên ký kết. Do đó bà H cho rằng không ủy quyền cho ông K hay bất kỳ ai là đại diện cho bà thực hiện công việc liên quan theo hợp đồng đã ký là không phù hợp thực tế như đã viện dẫn phân tích trên.

[2.5] Tại "Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ" ngày 03/4/2019 nội dung thể hiện các hạng mục dát vàng, ốp gỗ trần, ốp vách tường, …. đã được bà H cho tháo dỡ và thay thế toàn bộ (BL279-282), đại diện theo ủy quyền cùa bà H tại phiên tòa phúc thẩm cũng xác nhận sự việc này. Tuy nhiên trước khi tháo dỡ thay thế bà H đã không mời cơ quan chức năng chuyên môn nào thẩm định về chất lượng, tình trạng các hạng mục mà Công ty Đ đã thi công và bà H cũng không có chứng cứ nào thể hiện, chứng minh các hạng mục do Công ty Đ đã thi công nhưng đã không đạt yêu cầu, không đúng thiết kế kỹ thuật theo hợp đồng và bà đã có yêu cầu mà phía Công ty Đ không chịu khắc phục dẫn đến việc bà H không thể thanh toán và nghiệm thu. Vì vậy không có căn cứ để Tòa án xem xét để giải quyết và chấp nhận các yêu cầu và lý do như bà H nêu ra.

[2.6] Xét tại Điều 4 Hợp đồng số 160509/HĐKT-Dong Ngo ký kết ngày 09/5/2016 giữa các bên nội dung thể hiện thời hạn hoàn thành các hạng mục công trình sẽ căn cứ trên mỗi phụ lục và trường hợp kéo dài thời hạn thi công do bên chủ đầu tư bàn giao mặt bằng chậm, chưa phê duyệt hồ sơ thiết kế chi tiết, yêu cầu thực hiện thêm hạng mục, công việc, …thì các bên sẽ bàn bạc và thống nhất lại tiến độ cho phù hợp. Và tại "Biên bản làm việc" ngày 18/11/2016 (BL191), nội dung email trao đổi giữa ông Hoàng Đức K và Công ty Đ (BL190), đều thể hiện việc ông K xác nhận do có sự thay đổi về thiết kế trong quá trình thi công nên tiến độ dự án sẽ được dời lại qua năm mới, tiến độ thi công sẽ dựa vào tình hình thực tế tại công trình và tại "Biên bản làm việc" ngày 27/7/2016 có nội dung: "... đại diện chủ đầu tư đồng ý cho nhà thầu Công ty Đ không cần ghi nhật ký công trình. Công việc thực hiện hằng ngày sẽ được nhà thầu thực hiện dựa vào điều kiện thực thể tại công trình, ..." (BL189). Như vậy, bà H và đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng Công ty Đ vi phạm về tiến độ thời gian thi công theo hợp đồng và đã tự ý ngưng không ghi chép đầy đủ nhật ký công trình - từ đó bà H yêu cầu Công ty Đ phải chịu phạt với số tiền 1.975.403.505 đồng là không có căn cứ để hội đồng xét xử chấp nhận như đã phân tích.

[3] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không có căn cứ để chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Xuân H. Cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như ý kiến phân

tích, phát biểu và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp.

Bà Hoàng Thị Xuân H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận; nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Xuân H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 2103/2022/DS-ST ngày 14/6/2022 của TAND Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tuyên xử:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; Điều 229; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 117; Điều 357; Điều 401; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Điểm c khoản 1 Điều 113; Điều 144 Luật Xây dựng 2014. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Công ty Đ:

Buộc Bà Hoàng Thị Xuân H trả cho Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ số tiền 4.829.046.365 (bốn tỷ, tám trăm hai mươi chín triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm sáu mươi lăm) đồng, bao gồm 4.311.648.540 (bốn tỷ, ba trăm mười một triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi) đồng tiền thi công còn thiếu và 517.397.824 (năm trăm mười bảy triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm hai mươi bốn) đồng tiền lãi chậm trả.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H đề nghị buộc Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ phạt vi phạm 12% tổng giá hợp đồng là 1.975.403.505 đồng.

3. Về án phí:

- Bà Hoàng Thị Xuân H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 112.829.046 đồng. Bà H phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 71.262.105 đồng. Tổng cộng bà H phải chịu án phí số tiền 184.091.151 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 35.631.053 đồng theo Biên lai số AA/2017/0016184 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Z (nay là thành phố T), Thành phố H. Bà H còn phải nộp số tiền 148.460.098 đồng.

- Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là: 55.036.190 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 56.366.869 đồng mà Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0015911 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Z (nay là thành phố T), Thành phố H. Trả lại cho Công ty cổ phần Đồ gỗ và Trang trí nội thất Đ số tiền 1.330.679 đồng.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Đ về việc chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 2.000.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bị đơn Bà Hoàng Thị Xuân H phải chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Trần Thị Ngọc Q ký nộp thay theo "Biên lai thu, tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0027523 ngày 28/6/2022" của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố T.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Chi cục THADS TP Thủ Đức;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự (để thi hành);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thịnh

- Lưu (20).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA